TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST
Ngày: 21-8-2023.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân.

2. Ông Phan Mai Khoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST – DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về vụ việc tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 500/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 600/2023/QĐST – DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bạc Cầm D, sinh năm: 1970. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 357, đường T, TT.L Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Dương Văn T, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm: 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 132, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đề Thị Kim P, sinh năm: 1974. Có đơn vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 357, đường T, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Ông Võ Văn B, sinh năm: 1970. Có đơn vắng mặt.

Địa chỉ: Số 05/3, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông Trương Ngọc T, sinh năm: 1974. Có đơn vắng mặt.

Địa chỉ: Số 35, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông Vũ Minh C, sinh năm: 1969. Có đơn vắng mặt.

Địa chỉ: Số 118, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Bạc Cầm D thì:

Ngày 29/7/2015 ông nhận chuyển nhượng của ông T, bà L 01 lô đất diện tích 1.000m^2 đất, thuộc tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ. Có tứ cận như sau:

- Đông giáp đường đi dài 36m.

- Tây giáp sông Đa Nhim dài 6 + 30 + 12 + 28m.

- Nam giáp phần còn lại của thửa 1258.

- Bắc giáp sông Đa Nhim.

Hai bên chỉ viết giấy tay đề ngày 29/7/2015 giữa người sang nhượng là ông T, bà L và ông, khi nhận sang nhượng có sổ đỏ hay chưa ông cũng không biết.

Ngày 06/8/2015, ông nhận sang nhượng tiếp phần đất liền kề 1.000m^2 đất trên, có tứ cận như sau:

- Đông giáp đường đi từ mép thửa 1557 kéo dài đến bờ sông Đa Nhim.

- Tây giáp sông Đa Nhim.

- Nam giáp thửa 1557 kéo dài đến bờ sông Đa Nhim.

- Bắc giáp sông Đa Nhim.

Với giá nhận chuyển nhượng là 135.000.000đồng, ông đã trả đủ tiền cho ông T, bà L và đã ký nhận giấy ngày 06/8/2015.

Tổng diện tích ông đang sử dụng là 3.401m^2 đất. Khi ông nhận đất thì toàn là cỏ dại bỏ hoang. Sau đó ông đã trồng toàn bộ các loại cây trồng lâu năm trênđất . khoan giếng làm nhà và truồng trại sử dụng cho đến nay. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông toàn bộ diện tích đất này.

Theo bị đơn vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L trình bày:

Khoảng năm 2008, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông B diện tích khoảng 1.675m^2 đất, còn lại 1000m^2 đất chưa có sổ đỏ. Sau đó ông bà có đi cầm cố cho bà My và bà Thuỷ nhưng hiện không biết bà My và Thuỷ ở đâu. Sau đó thoả thuận sang lại cho ông D, giấy tờ ông D cầm hết. Ông D biết đất không làm được sổ đỏ nhưng vẫn nhận chuyển nhượng. Ông D có hứa đưa tiền cho vợ chồng ông bà nhưng không đưa. Nếu sau này ông D có thương lượng với vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà sẽ đi làm sổ cho ông D.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc T trình bày:

Phần diện tích 195,9m^2 đất theo hoạ đồ đo đạc ngày 20/9/2021, phần đất này ông không sử dụng ông không tranh chấp, cuối vườn ông D ông có sử dụng trồng hoa màu nhưng chưa có sổ đỏ. Đất ông D đã làm nhà, hàng rào xung quanh, sử dụng trên 10 năm nay. Ông không có tranh chấp, không có yêu cầu gì.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B trình bày:

Trước đây khoảng năm 1995 – 1996 ông có quen biết ông T. Do ông ở gần nhà ông T, đất hoang hoá, đồi cỏ, giáp suối, ông có chia cho ông T 100m^2, hiện nay

ông đuộc biết phần đất này ông D đang sử dụng. Thực tế là ông D có mua đất của ông T, bà L, còn mua như thế nào ông không biết. Do ông là người khai phá một ít nên khi ông D mua bán đất với ông T, bà L nên có nói ông ký vào giấy sang nhượng đất ngày 29/7/2015 chứ ông không L quan gì. Vì ký vào để hai bên mua bán cho dễ dàng. Trước đây đất hoang hoá, đồi cỏ, giáp suối ông D khai phá thêm chứ ông không L quan gì. Nay ông không có yêu cầu gì vì ông không L quan.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh C trình bày:

Ông Võ Văn B là cháu ruột của ông (ông là em ruột của bố ông B). Thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39 (299), xã P, huyện Đ nay đã được đổi T thửa 164, tờ bản đồ số 31 (2013) ông chỉ biết là của ông B sử dụng từ năm 1988 – 1989. Sau đó khoảng năm 2000 thì ông B cho ông thuê lại để trồng hoa màu. Đến năm 2003 thì ông không sử dụng nữa trả lại cho ông B. Phần đất diện tích hơn 1.700m^2 này không phải của ông. Cũng có thể do thời gian ông trồng hoa màu trên đất này nên cán bộ địa C ghi vào sổ sách ông là ông Võ Minh C đứng tên khai người sử dụng đất. Đất này thì chỉ cách nhà ông 500m.

Khoảng năm 2015 thì ông D sử dụng đất này. Nay ông không có tranh chấp gì, ông không L quan gì. Ông cũng không mua bán đất đai gì với ông T (Sáng), bà L cả.

Do đó, ông không có tranh chấp gì với ông T, bà L, ông D, ông B, ông T.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đề Thị Kim P trình bày:

Việc tranh chấp mua bán đất tại thôn P'ré, xã P, huyện Đ giữa ông D và vợ chồng ông T, bà L. Bà không L quan, bà không yêu cầu gì.

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D yêu cầu vợ chồng ông T, bà L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông D đối với diện tích 2.996m^2 theo đúng hiện trạng ông đang sử dụng (4.401m^2 đất – 405m^2 đất chưa đăng ký, kê khai).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bạc Cầm D đối với bị đơn vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Bạc Cầm D và bị đơn vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Trương Ngọc T, ông Võ Văn B, ông Võ Minh C, bà Đề Thị Kim P. Theo quy định tại khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Trương Ngọc T, ông Võ Văn B, ông Võ Minh C, bà Đề Thị Kim P có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L, ông Trương Ngọc T, ông Võ Văn B, ông Võ Minh C, bà Đề Thị Kim P.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu vợ chồng ông T, bà L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông D diện tích 2.996m^2 đất theo hiện trạng (4.401m^2 đất – 405m^2 đất chưa đăng ký, kê khai), thuộc 01 phần các thửa đất số 1590, 1589 và thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39 (299), xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng:

[2.1] Ngày 29/7/2015 và ngày 06/8/2015, ông T, bà L đã chuyển nhượng cho ông D diện tích 3.401m^2 đất theo hiện trạng ông D đang sử dụng hiện nay, thuộc một phần các thửa đất số 1590, 1589, 555, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo các giấy sang nhượng đất giữa vợ chồng ông T, bà L và ông D đề ngày 29/7/2015 và ngày 06/8/2015, với số tiền 135.000.000 đồng vợ chồng ông T, bà L đã nhận đủ tiền.

Khi chuyển nhượng thì toàn bộ diện tích đất này ông T là người đứng tên kê khai người sử dụng đất, có nguồn gốc ông B sang nhượng lại đối với thửa đất số 1590, 1589, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ. Khi ông D nhận sang nhượng của ông T, bà L thì ông B cũng xác nhận trong giấy sang nhượng không tranh chấp. Đối với thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ tuy ông C là người đứng tên kê khai, đăng ký nhưng ông C trình bày không phải đất của ông mà trước đây ông có trồng hoa màu nên có thể tại thời điểm nhà nước kiểm kê thì ghi tên ông C. Còn ông T, bà L thừa nhận nguồn gốc đất là do ông B sang nhượng lại. Ông B và ông C không tranh chấp gì đối với diện tích đất này.

[2.2] Đối với diện tích 3.401m^2 đất, 01 phần các thửa đất số 1590, 1589 và thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ ông D đã nhận đất làm nhà và làm chuồng trại chăn nuôi và trồng toàn bộ cây lâu năm sử dụng cho đến nay. Bản thân vợ chồng ông T, bà L có nhà, đất ở liền kề với phần đất ông D đang sử dụng nhưng không phản đối, không có ý kiến gì đối với ông D. Hàng rào ranh giới giữa nhà ông D và vợ chồng ông T, bà L cố định. Cho đến nay bên chuyển nhượng là vợ chồng ông T, bà L. Ngoài ra, ông B, ông C không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành C theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành C trong lĩnh vực đất đai.

[2.3] Ông T, bà L cho rằng chưa nhận tiền chuyển nhượng đất từ ông D, sau này có thương lượng trả tiền cho vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà đi làm sổ đỏ cho ông D. Tuy nhiên, tại giấy sang nhượng đất đề ngày 29/7/2015 giữa người mua ký tên Bạc Cầm D, Võ Văn B và người bán ký tên Dương Văn T, Hoàng Thị Kim L (bút lục 85, 86) có nội dung: "…*Vợ chồng tôi đã nhận đủ tiền. Vậy kể từ đây vợ chồng chúng tôi giao toàn quyền miếng đất trên cho ông Bạc Cầm D* …". Như vậy,

có đủ cơ sở khẳng định ông D đã trả đủ tiền nhận chuyển nhượng đất cho ông T, bà L theo giấy sang nhượng đất đề ngày 29/7/2015 giữa người mua ký tên Bạc Cầm D, Võ Văn B và người bán ký tên Dương Văn T, Hoàng Thị Kim L; Giấy sang nhượng đất đề ngày 29/7/2015 giữa người mua ký tên Bạc Cầm D và người bán ký tên Dương Văn T, Hoàng Thị Kim L. Người làm chứng ký tên Trương Hải (tại thời điểm này ông Trương Hải là Trưởng thôn P'ré, xã P) (bút lục 87); Giấy sang nhượng đất đề ngày 06/8/2015 giữa người bán ký tên Dương Văn T, Hoàng Thị Kim L (bút lục 88).

Theo quy định tại điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về điều kiện để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993 thì:

"a) Điều kiện để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 131, các điều từ Điều 705 đến Điều 707 và Điều 711 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003, thì Toà án chỉ công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi hợp đồng đó có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a.1) Người tham gia giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có năng lực hành vi dân sự;

a.2) Người tham gia giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn toàn tự nguyện;

a.3) Mục đích và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không trái pháp luật, đạo đức xã hội;

a.4) Đất chuyển nhượng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003;

a.5) Bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có đủ điều kiện chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có đủ điều kiện về nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

a.6) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập T văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

b) Xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có đầy đủ các điều kiện được hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.3 mục 2 này.

....

b.3) Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Toà án công nhận hợp đồng.

Nếu bên nhận chuyển nhượng chỉ làm nhà trên một phần đất, thì Toà án công nhận phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có nhà ở và hủy phần hợp đồng đối với diện tích đất còn lại, buộc bên nhận chuyển nhượng giao trả phần đất đó cho bên chuyển nhượng, trừ trường hợp việc giao trả không B đảm mục đích sử dụng cho cả hai bên giao kết hợp đồng, đồng thời buộc các bên thanh toán cho nhau phần chênh lệch".

Như vậy, đối chiếu với này và các Điều 106 và Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003 nay là Điều 97 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013. Cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T, bà L và ông D lập ngày 29/7/2015 và ngày 06/8/2015. Công nhận diện tích 2.996m^2 đất (3.401m^2 – 405m^2) theo hiện trạng, thuộc 01 phần các thửa đất số 1590, 1589 và thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất là 6.400.000đồng ông D đã nộp đủ. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D nên buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà L phải trả cho ông D số tiền 6.400.000 đồng.

[4] Về án phí: Buộc vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ L đới phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 130, 131 và Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 688 và Điều 697 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 106 và Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003 nay là các Điều 100, 136, 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bạc Cầm D về vụ việc "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với bị đơn vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Trương Ngọc T, ông Võ Văn B, ông Võ Minh C, bà Đề Thị Kim P.

Công nhận diện tích 2.996m^2 đất (3.401m^2 – 405m^2) theo hiện trạng, thuộc 01 phần các thửa đất số 1590, 1589 và thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Bạc Cầm D theo các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Bạc Cầm D và vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L lập ngày 29/7/2015 và ngày 06/8/2015.

Ông Bạc Cầm D được quyền L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích 2.996m^2 đất (3.401m^2 – 405m^2) theo hiện trạng, thuộc 01 phần các thửa đất số 1590, 1589 và thửa đất số 555, tờ bản đồ số 39 (299), xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Có họa đồ lô đất đề ngày 15/9/2021 của Công ty TNHH An Thịnh Lâm Đồng kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Bạc Cầm D số tiền 6.400.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L có nghĩa vụ L đới phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Bạc Cầm D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ông Bạc Cầm D đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2017/0000984 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông Bạc Cầm D có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị Kim L, ông Trương Ngọc T, ông Võ Văn B, ông Võ Minh C, bà Đề Thị Kim P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ